

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiêu

Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 37, xóm Bách Lộc, cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố H. Có mặt.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 37, xóm Bách Lộc, cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố H. Có đơn giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã Thọ An vào ngày 31/12/2020. Nhưng thực tế anh chị chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1994. Do anh chị đánh mất giấy chứng nhận kết hôn và UBND xã Thọ An cũng thất lạc sổ đăng ký thời điểm đó nên anh chị phải đi đăng ký lại năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống ở cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố H. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ban đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng càng về sau thì mâu thuẫn càng lớn, càng trầm trọng, nguyên nhân: Một phần do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và có xảy ra va chạm với nhau. Một phần anh N tính rất nóng nảy nên hễ cho

chuyện gì là chửi bới, đe dọa chị. Nghĩ cho con và mẹ của anh N ốm nên chị cố nhẫn nhịn để sống cùng với anh N. Đến cuối năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất dẫn đến việc cãi nhau và anh N đã bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến mừng 6 tết âm lịch khi mẹ anh N ốm nặng thì anh N mới về. Khi anh N về đến nhà thì chị cùng cháu Vy chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Trung Châu sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xác định không còn tình cảm với anh N nên xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Pin Pin, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu Pin đã đến tuổi trưởng thành và có công việc riêng nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Vy thì chị xin được nuôi con và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như lời trình bày của chị Nguyễn Thị H. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị được gia đình cho ra ở riêng. Còn bố mẹ anh sinh sống cùng em trai của anh ở nhà bên cạnh. Trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn bình thường. Cuối năm 2022 anh chuyển vào Miền Nam sinh sống, đến tết âm lịch năm 2024 (khoảng mừng 6) do mẹ anh ốm nên anh mới về nhà. Khi về nhà thì vợ chồng anh cãi nhau chỉ vì chị H mê tín bảo không nghe nên chị H và cháu Vy chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Trung Châu sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh và chị H không có cách nào để hàn gắn và đoàn tụ với nhau nên chị H xin ly hôn anh thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Pin Pin, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu Pin đã đến tuổi trưởng thành và có công việc riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Vy thì anh xin được nuôi con và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản, nợ chung: Anh Nguyễn Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện, chị xin được ly hôn anh N, xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị và không đề nghị giải quyết về tài sản, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung, do cháu Nguyễn Văn Pin Pin đã đến tuổi trưởng thành và có công việc riêng nên Hội đồng không phải giải quyết; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N đến khi có quyết định khác. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn N có địa chỉ tại cụm 12, xã T, huyện Đ, thành phố H. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đầy đủ và hợp lệ, quá trình giải quyết anh N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H và anh N nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân hơn 1 năm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy anh chị có những bất đồng không quá lớn nhưng việc vợ chồng không tìm cách cùng nhau giải quyết mà để mặc cho mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, sống ly thân thời gian dài, không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt, xa cách đến mức không thể hàn gắn được. Chị H đề nghị ly hôn, anh N đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Pin Pin, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu Pin đã đến tuổi trưởng thành và có công việc riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với việc nuôi dưỡng cháu Vy cả chị H và anh N đều có nguyện vọng nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Vy là con gái, đang tuổi lớn nên cần sự chăm sóc, bảo ban của người mẹ hơn. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Vy cũng muốn được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, tránh làm xáo trộn tâm lý của trẻ nhỏ nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Chị H và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Pin Pin, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Vy, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu Pin đã đến tuổi trưởng thành và có công việc riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Ngọc Vy cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc Vy đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng: Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh N đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010127 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội (Số GCNKH 98 ngày 31/12/2020)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA